

NHÀ NHO ẨM DẬT VIỆT NAM THỜI TRUNG ĐẠI:

VẤN ĐỀ LỰA CHỌN KHÔNG GIAN MÔI TRƯỜNG SỐNG - ẨM DẬT

LÊ VĂN TÂN*

Trong bài viết trước, chúng tôi đã bàn về vấn đề lựa chọn con đường ẩm dật của tác giả nhà nho Việt Nam thời trung đại.⁽¹⁾ Bài viết này, chúng tôi sẽ tiếp tục bàn đến vấn đề lựa chọn không gian môi trường sống - ẩm dật của họ.

Từ việc lựa chọn con đường ẩm dật đến việc lựa chọn một nơi để về ở ẩn với nhà nho là một vấn đề không đơn giản. Câu hỏi sống ở đâu, ẩm dật ở đâu - với nhà nho chứa đựng rất nhiều những nỗi niềm tâm sự, về thế giới, về nhân sinh. Hành đạo ở đâu với nhà nho hành đạo đã trở nên quá rõ ràng; còn người tài tử sau này, với tính cách ngang tàng, ưa phá cách, thích di chuyển thì môi trường sống của họ thường là không ổn định. Trong khi đó, người ẩm dật, khi lui về ở ẩn, họ cần một nơi *ổn định duy nhất tương đối* để sống và gắn bó với môi trường đó đến hết cuộc đời. *Nhà nho ẩm dật Việt Nam rất ít và hầu như không di chuyển môi trường sống, môi trường ẩm dật* - điều này là một thực tế.

Vậy thì xuất phát từ đâu, từ cơ sở nào, tiêu chí nào để nhà nho chọn cho mình một môi trường sống - ẩm dật như mong muốn của họ?

Khác với người hành đạo và người tài tử khi rất cần môi trường là xã hội, là hiện thực triều chính xã tắc để bộc lộ, thi thố tài năng, cá tính, người ẩm dật trong tư thế rút lui, li tâm khỏi triều chính, cuộc sống xã hội xô bồ đương thời, họ rất cần một môi trường, một cuộc sống yên tĩnh. Nơi đó phải là nơi họ có thể yên tâm và thanh thân sống cuộc đời của một ẩn sĩ. Trong lòng người ẩm dật có thể vẫn còn đang cháy bỏng nhiều tâm sự, khát khao; song họ là người tri túc và phần nào nắm được quy luật vận động của lịch sử, lực bất tòng tâm, chấp nhận ở ẩn là phải chấp nhận sự kết thúc của hoạn lộ. Đó là một đòi hỏi nghiệt ngã và đầy bi kịch. Về điểm này người hành đạo có cơ để phê bình người ẩm dật là yếm thế nhưng người ẩm dật lại có cơ để phê bình người hành đạo là rơi vào vòng lợi danh. Nhưng có điều, từ thẳm vơi căn cốt, cả hai loại hình nhà nho này đều đồng vọng lí lẽ của hai bên. Vì, như chúng ta đã biết, nhiều nhà nho hành đạo vẫn có những lúc cảm thấy chán nản, muốn từ quan, trở về ẩm dật; trong khi đó, một số nhà nho, tuy đã lui về ẩm dật nhưng trong lòng họ vẫn luôn luôn khao khát

* Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Hà Nội
NCS. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

được nhập thế, quan tâm đến thời cuộc, chính trị đương thời. Chính vì vậy nên xét đến cùng, trong chính thể phức điệu một nhân cách, không có nhà nho nào hoàn toàn là nhập thế, cũng không có nhà nho nào hoàn toàn là xuất thế. Đây là đặc điểm mà theo chúng tôi là khá tương đồng với loại hình tác giả ẩn dật Trung Hoa⁽²⁾ (Xin nói thêm: trong văn học phương Tây không có loại hình tác giả ẩn dật; còn ở Ấn Độ không có tác giả ẩn sĩ mà chỉ có tác giả tu sĩ, những con người tự nguyện sống khổ hạnh, với khát vọng vươn tới sự giải thoát và khám phá vũ trụ; Nhật Bản cũng không có tác giả ẩn sĩ bất mãn mà tồn tại kiểu tác giả Thiền sư hành hương, họ là những con người yêu thiên nhiên, muốn tìm đến những vùng đất mới để tận hưởng vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời, vũ trụ - những vẻ đẹp nguyên sơ, tinh khiết, tận thiện, tận mỹ...⁽³⁾). Người hành đạo thì vẫn khát khao được về nguồn, vẫn vi vút đâu đây tiếng gọi của núi rừng, vượn hạc; trong khi đó, người ẩn dật vẫn hướng tâm lòng của mình về thế tục, về cuộc đời và hạnh phúc của con người, của muôn dân, vẫn cứ thao thức, trở trăn về chức năng phận vị, tinh thần tự nhiệm của một nhà nho trước cuộc sống, trước triều chính xã tắc, nhân dân, đất nước. Đó là lí do tại sao có thể đi tới một kết luận chắc chắn là: ở Việt Nam không có loại hình nhà nho hành đạo hay ẩn dật thuần túy, nhất thành bất biến⁽⁴⁾. Việc phân loại là căn cứ vào dòng chảy chính trong hành trạng; hoặc là trong một giai đoạn phát triển cụ thể nào đó của bản thân các nho sĩ, cùng với tư tưởng và lối sống của họ để xem xét, đánh giá. Đó là điều chi phối rất lớn tới nội dung tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, hệ thống hình tượng trong sáng tác của mỗi loại hình nhà nho. Nếu người hành đạo lấy lí tưởng Nho gia làm chỗ dựa tinh thần, tư tưởng và hành động thì người ẩn dật, khi về cũng rất cần một *điểm tựa tư tưởng* để giải tỏa, giải phóng. Nho giáo thật ra không chỉ có nhập thế, nó vẫn cho phép nhà nho hành và tàng linh hoạt ("*quân tử chi đạo, hoặc xuất hoặc xử; dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng*"); song Nho giáo không đáp ứng được hết cho người ẩn dật về mặt tư tưởng. Họ lấy tư tưởng Nghiêu Thuấn, cái quá khứ tốt đẹp, không tương, không bao giờ có làm tiêu chí soi xét các triều đại và hành xử của bản thân nên thực tại không bao giờ đáp ứng được tư tưởng, mong muốn của họ. Thế là Lão, nhất là Trang đã đắc dụng với họ. Người ẩn dật tìm tới cái huyền ảo của Đạo gia để phủ nhận danh lợi, để sống cuộc đời ung dung tự tại; họ đến với cái vô vi theo đại đạo tự nhiên của Đạo gia để sống thuận theo tự nhiên, sống hòa hợp với thiên nhiên, trăng nước, mây trời... Sẵn với quan niệm, phẩm chất và tài năng của con người mang tính chất tiên thiên, do trời đất vũ trụ cấp cho (cha mẹ sinh ra hình hài nhưng phẩm chất, tài năng và cá tính là do một đẳng siêu hình nào đó mang lại, có thể là thiên nhiên?), cộng với lối sống thuận theo tự nhiên nên người ẩn dật tất yếu tìm tới môi trường sống với đặc điểm phải là: *yên tĩnh, xa cuộc sống ồn ào của xã hội, có sông suối, núi đồi trong tính nguyên sơ của nó*. Nói chung đó là nơi mà thiên nhiên bao trùm.

Từ đây, người ẩn dật mới có cơ hội sống thanh thân và tĩnh tâm trước cuộc sống. Trong tư thế khép mình đến tối đa, người ẩn dật tìm sự đối diện, hoặc là với vũ trụ, trời đất, với môi trường thiên nhiên nơi họ sống; hoặc là với chính cá nhân thể tạng và căn cốt con người họ. *Thơ ca người ẩn dật theo đó mà lặng lẽ đi vào chiều sâu vô tận của cái tôi nội cảm, chiêm nghiệm, suy tư về nhân tình thế thái.* Không có gì lạ là văn chương của nhà nho ẩn dật nói nhiều tới thiên nhiên đến thế, thiên nhiên và con người đã chan hòa vào nhau, như một mà hai, như hai mà một: “Mỗi quan hệ gắn bó giữa con người và thiên nhiên đã trở thành khăng khít, mật thiết đến nỗi con người cũng là thiên nhiên, thiên nhiên cũng là con người”⁽⁵⁾. Với người ẩn dật, không gian môi trường sống đích thực, trong cách suy nghĩ của chúng tôi cũng chính là không gian môi trường thiên nhiên. Thiên nhiên, theo đó, không chỉ là đối tượng, là cái cớ để gửi gắm, kí thác nữa mà nó đồng thời là mục đích đối với sáng tác của họ. *Trong văn chương nhà nho ẩn dật, thiên nhiên phong phú, đa dạng và khá phức điệu, nhiều tầng bậc ý nghĩa.* Trên ý nghĩa này, chúng tôi đánh giá rất cao sáng tác của nhà nho ẩn dật so với sáng tác của nhà nho hành đạo và nhà nho tài tử.

Như vậy, khi lựa chọn nơi về ở ẩn, có lẽ nhà nho đã đặt tiêu chí trên đây là quan trọng nhất. Thực tế cho thấy, không có nhà nho nào ở ẩn giữa kinh thành - nơi mà trong con mắt họ là chốn xô bồ, là vòng lợi danh. Nhà nho có thể sống cùng, sống cạnh, sống hòa nhập với cuộc sống của nhân dân nhưng họ vẫn tạo cho mình một không gian sống rất riêng biệt (tiêu biểu là trường hợp của Nguyễn Bỉnh Khiêm và Nguyễn Khuyến). Nhà nho ẩn dật theo chiều hướng này muốn cắt đứt mọi mối quan hệ với cuộc sống trần tục, với triều chính, với xã hội (trường hợp của Nguyễn Húc, Nguyễn Dữ, Nguyễn Hăng và Nguyễn Huy Vinh). Họ muốn xây dựng cho mình một môi trường, một không gian sống biệt lập, một “pháo đài bất khả xâm phạm”, mà trong quan niệm của họ là thanh sạch, đẹp đẽ để mọi ba động tiêu cực khó có thể len lỏi được vào không gian này trước ý thức giữ gìn rất cẩn thận của các ẩn sĩ. Theo chúng tôi, đây cũng chính là một trong nhiều căn nguyên khiến trong văn chương nhà nho ẩn dật, cuộc sống xã hội ít xuất hiện một cách trực tiếp. Nhưng ngược lại, dù cách li với cuộc sống đến mấy thì vô hình chung, nhà nho lại gián tiếp thể hiện sự nuối tiếc, sự gắn bó với cuộc sống hết sức tha thiết và mạnh mẽ. Mâu thuẫn này dẫn đến sự dửng dăng, day dứt hết sức đặc trưng trong sáng tác của một số nho sĩ ẩn dật. Đúng như nhận xét của PGS.TS. Trần Nho Thìn: “... trên thực tế, nhà nho - dù là nhà nho ở ẩn - cũng không thể tuyệt đối cắt đứt mối liên hệ với cuộc sống, với xã hội”⁽⁶⁾. Điều này thể hiện rất rõ ở các trường hợp: Chu Văn An, Trần Nguyên Đán, Nguyễn Trãi, Ngô Thế Lân, Lê Hữu Trác và Nguyễn Khuyến.

Tất nhiên, theo suy nghĩ của chúng tôi, người ẩn dật có cách thức thể hiện sự gắn bó của mình với cuộc sống xã hội riêng, không như người hành đạo hay người tài tử. Bởiغم cho cùng thì cuộc sống xã hội, nhất là hạnh phúc của muôn dân vẫn luôn là nỗi trăn trở của họ. Hơn thế nữa, sự gắn bó này, ở một phương diện nào đó mà suy xét, không phải là không sâu sắc.

Ngoài ra, khi chọn nơi về ẩn dật, nhà nho còn chú ý tới một điều nữa: *quan tâm hơn đối với quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn của mình*. Cố nhiên, nếu quê hương (ở đây là quê cũ, làng cũ) phải có được những đặc điểm tối thiểu về không gian sống như trên đã nói. Nói thế để thấy rằng, trường hợp của Chu Văn An chẳng hạn - sinh ra và lớn lên ở kinh thành Thăng Long, khi về ẩn nhậm ông đi một nơi khác (núi Phụng Hoàng, làng Kiệt Đặc, huyện Chí Linh, nay thuộc tỉnh Hải Dương) là điều rất dễ hiểu. *Quê hương vốn là nơi trở về an toàn nhất của người làm quan*. Sau những thăng trầm hoạn lộ, quê hương là nguồn suối ngọt ngào, trong mát, vừa động viên, vừa an ủi, vừa nhận về để hòa giải những nỗi niềm tâm sự cho nhà nho. Quê hương vì thế có sức dung chứa rất lớn và có giá trị mang tính trường tồn và siêu mẫu. Quê hương là một vùng sáng kí ức đẹp đẽ và tượng trưng cho khát vọng trở về khôn khuây với nhà nho. Lẽ vậy mà hai đề tài *li biệt* và *tha hương* được các nhà văn, nhà thơ nói tới rất nhiều trong văn học cổ - mà âm hưởng chung là buồn trong những nỗi cô đơn tủi nhục của người xa xứ. Nhưng ở chỗ này cần lưu ý: nhà nho chọn nơi ẩn dật là quê hương rồi thì sáng tác của họ trong thời gian sống ẩn dật đó rất hiếm khi bộc lộ, thể hiện nội dung tình cảm tha hương vì họ không xê dịch môi trường sống, không cách ly môi trường sống của mình. Đó là một quy luật, một hệ quả tất yếu trong sáng tạo nghệ thuật mà chúng tôi sẽ đi sâu phân tích, lí giải trong một bài viết khác.

Như thế là rất thuận tiện với người ẩn dật nếu chính quê hương phù hợp với yêu cầu sống của họ. Chọn quê hương là không gian môi trường ẩn dật với họ đã như một lẽ tất yếu. Đó là trường hợp của Nguyễn Húc, Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Thế Lân và Nguyễn Khuyến. Chúng tôi tạm gọi họ là ***những nho sĩ về làng***.

Còn với những người không chọn nơi về ẩn dật là quê hương thì chúng ta cần nhìn nhận vấn đề như thế nào? Trường hợp của Chu Văn An và Trần Nguyên Đán coi như không bàn nữa. Vậy còn 6 trường hợp cần bàn là: Nguyễn Trãi, Nguyễn Dữ, Nguyễn Hăng, Nguyễn Thiếp, Lê Hữu Trác và Nguyễn Huy Vinh. Chúng tôi tạm gọi họ là ***những nho sĩ lên núi***, đi xa quê cũ, làng cũ của mình. Tất nhiên, cũng có thể những địa danh, sơn danh mà các nhà nho này về ở ẩn, trước đó bản thân họ từng có kí ức nhất định nào đó (là quê ngoại như trường hợp của Lê Hữu Trác chẳng hạn).

Và đó là phương hướng mà chúng tôi sẽ luận giải sau đây:

Nguyễn Trãi vốn người xã Chi Ngại, huyện Phượng Sơn, lộ Lạng Giang, nay thuộc tỉnh Hải Dương; sau dời về xã Ngọc Ổi (sau đổi là Nhị Khê), huyện Thượng Phúc, nay thuộc huyện Thường Tín - thành phố Hà Nội, nhưng khi về ẩn nấp ông lại đến với không gian núi rừng Côn Sơn (thuộc huyện Chí Linh - tỉnh Hải Dương).

Nguyễn Dữ là người xã Đỗ Tùng, huyện Trường Tân, nay thuộc huyện Thanh Miện - tỉnh Hải Dương; khi về ở ẩn, ông lại chọn không gian núi rừng Thanh Hoá (mà theo phỏng đoán của chúng tôi nay thuộc xã Nga Thiện - huyện Nga Sơn).

Nguyễn Hăng người làng Xuân Lũng, huyện Sơn Vi, phủ Lâm Thao, nay thuộc tỉnh Phú Thọ; khi chọn con đường của Bành Trạch ông lại đến với không gian làng Đại Đồng, phủ Yên Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Nguyễn Thiếp người làng Nguyệt Ao, huyện La Sơn, trấn Nghệ An, nay thuộc huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh nhưng ông lại dọn nhà ở ẩn trên núi Thiên Nhãn - tỉnh Hà Tĩnh.

Lê Hữu Trác người làng Liêu Xá, huyện Đường Hào, trấn Hải Dương, nay thuộc huyện Yên Mỹ - tỉnh Hưng Yên; nhưng ông lại về quê ngoại để ẩn nấp và hành nghề thuốc tại xã Tĩnh Diễm, huyện Hương Sơn, trấn Nghệ An, nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyễn Huy Vinh quê ở Trường Lưu, Can Lộc, Hà Tĩnh; ở ẩn trên núi Chung Sơn, nay thuộc huyện Nam Đàn - tỉnh Nghệ An.

Vậy tại sao lại có chuyện sinh ra một nơi mà khi về ở ẩn nhà nho lại chọn một nơi khác? Sao họ không chọn chính quê hương của họ để trở về? Có thể ở một góc độ nào đó, quê hương của các nhà nho này không có được đầy đủ đặc điểm sống theo như yêu cầu của họ: yên tĩnh, thiên nhiên bao trùm. Nhưng suy đoán này thiếu cơ sở vì những làng quê nơi những nhà nho này sinh ra, trong một độ lùi lịch sử trên nửa thiên niên kỉ hẳn có thể sẽ hội đủ những điều kiện cho nhà nho về chí sĩ. Còn như trong cách suy đoán của PGS.TS. Trần Nho Thìn: “Rất có thể đặt vấn đề giáo hóa quá gay gắt, thái độ phê phán các “dị đoan” của nhà nho quá cương quyết (một kiểu độc quyền chân lí), rồi tự đặt vị trí cao hơn, bên trên dân mà quan hệ của nhà nho với làng xã không mấy tốt đẹp? Phải chăng trong số những lí do khiến Nguyễn Trãi không về làng cũ mà về Côn Sơn, có một lí do thuộc về quan hệ có tính văn hóa của nhà nho với làng xã này?”⁽⁷⁾, có lẽ chưa kín kẽ. Vì nếu như coi đây là lí do mà thơ ca Nguyễn Trãi nói riêng, thơ ca nhà nho ẩn dật nói chung ít phản ánh cuộc sống xã hội, cuộc sống của nhân dân thì có thể là đúng một phần, chứ nếu coi đó là lí do khiến Nguyễn Trãi không về làng cũ (Nhị Khê) ở ẩn thì chưa đủ sức thuyết phục. Bởi đó chỉ là cái lẽ bề ngoài, còn sâu xa của nguồn cơn và nông nổi thì phải chăng là ở những lí do khác?⁽⁸⁾

Theo suy nghĩ của chúng tôi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Dữ, Nguyễn Hăng, Nguyễn Thiếp, Lê Hữu Trác và Nguyễn Huy Vinh chọn môi trường sống ẩn dật không phải là quê hương, quê cũ, làng cũ có hai lí do cơ bản sau đây.

Một là, mặc dù các nhà nho này có gốc gác ở một nơi nhưng bản thân họ có khi lại sinh ra ở một nơi khác (trường hợp Nguyễn Trãi được sinh hạ tại dinh của quan tư đồ Trần Nguyên Đán - Thăng Long, nay thuộc địa phận phường Cát Linh - Ba Đình - Hà Nội); hoặc là thời gian họ sống, gần bố tuổi ấu thơ và trước khi tham gia loạn lộ với quê hương là không nhiều (Nguyễn Trãi chủ yếu sống trong dinh ông ngoại, sau này là với Côn Sơn, 1386 - 1390 và 1439 - 1442, thời gian ông ở Nhị Khê với cha rất ngắn ngủi, chỉ trên dưới một năm, từ 1385 đến 1386). Thế nên kí ức, kỉ niệm với quê hương - những giá trị rất cần thiết cho một sự trở về với nhà nho là quá mờ mờ (Riêng trường hợp của Nguyễn Dữ và Nguyễn Hăng do hiện nay chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ tài liệu nên tạm thời xin chưa bàn ở đây).

Hai là, có thể bản thân họ muốn đi tìm một sự thể nghiệm mới cho cuộc sống ẩn dật (Nguyễn Dữ, Nguyễn Hăng và Nguyễn Huy Vinh) - tức là họ muốn đi tìm một môi trường sống mới - không phải là quê cũ mà trong quan niệm của họ là phù hợp. Và phải chăng còn do họ chưa thể nghiệm hoặc thể nghiệm chưa nhiều trong loạn lộ nên nhu cầu thể nghiệm môi trường sống - ẩn dật được đặt ra ồn ào, gay gắt hơn? Dễ nhận thấy, trong sáng tác của Nguyễn Dữ và Nguyễn Hăng cái chất phóng túng, lãng mạn, sự ngợi ca một cách trực diện và hả hê cuộc sống ẩn dật - đây là một âm hưởng rất riêng biệt của họ so với các nhà nho sĩ ẩn dật khác⁽⁹⁾. Còn Nguyễn Thiếp ở ẩn trên núi Thiên Nhẫn nhưng về khoảng cách địa lí là không xa so với làng quê ông; Lê Hữu Trác chọn quê ngoại để ở ẩn thì lại rất phù hợp với cách suy luận của chúng tôi đã đưa ra.

Cần biết rằng trong số các nhà nho chọn không gian môi trường sống ẩn dật không phải là quê hương của mình thì chỉ có hai tác giả là Nguyễn Trãi và Nguyễn Huy Vinh trong sáng tác của mình bộc lộ một nỗi niềm tha hương vơi vơi, khôn khuây.

Trước hết xin nói về Nguyễn Trãi: quê hương trong tâm khảm ông không phải là *làng cũ* (Nhị Khê chẳng?) mà chỉ là *cố sơn, gia sơn* (núi cũ, núi nhà)⁽¹⁰⁾. Đó phải chăng là một quê hương, một môi trường, một không gian sống của một cõi vô thường xa tít tắp nào đó mà Nguyễn Trãi vừa như muốn đi tới tận cùng, lại vừa như lừng khừng muốn quay trở lại:

*Nhất tông luân lạc tha hương khứ,
Khuất chỉ thanh thanh kỷ độ qua.
Thiên lí phần uynh vi bất tảo,*

Thập niên thân cựu tận tiêu ma.

(Dịch nghĩa: Từ khi lưu lạc quê người đến nay,

Bấm đốt ngón tay tính ra tiết thanh minh đã qua mấy lần rồi.

Xa ngàn dặm, không được săn sóc phần mộ tổ tiên,

Mười năm qua, bà con quen biết đã tiêu tán hết.)

Thanh minh⁽¹¹⁾

Phải chăng Nhị Khê không có vai trò quan trọng trong trái tim Nguyễn Trãi? Và trong tiếng gọi về nguồn, nơi đó không phải là vùng sáng kí ức vụt hiện trong đau đớn xót xa đứt ruột đối với ông?

Trong khi đó, Nguyễn Huy Vinh lại biết ra một lối, khác so với những người cùng đi tìm một môi trường ẩn dật mới và cả những nhà nho chọn nơi ẩn dật là quê hương: nhiều bài thơ của ông mang được cái vẻ thanh thân của một con người dường như đã chọn xong lẽ xuất xứ (ông là người ở ẩn suốt đời, không hề xuất chính), song Nguyễn Huy Vinh vẫn đau đáu về tục lụy. Đặc biệt, thơ ông hiện lên hình tượng một con người luôn luôn cồn cào nỗi nhớ quê, nhớ bạn hữu khôn khuây; còn mọi sự đời với ông đều thanh thân - cái thanh thân của một con người giữ được khí tiết thanh cao trong buổi loạn ly, đầy biến động của đất nước:

Tân Thành điều đệ ý vân cao,

Mã thủ Nam quy ức hữu tào.

Thu nhập hương tình vô hạn hảo,

Từ đàn ly tịch bất tri lao.

Đạm nồng thức vị tri tâm định,

Chỉ xích lãng vân lạc sự Đào.

Biệt hữu tiên hồ khả lưu tặng,

Thị triển vô nhiễm thể thao thao.

(Dịch nghĩa: Nhà chạm khắc ở Tân Thành cao tựa tầng mây,

Quay ngựa về Nam mà lòng nhớ bạn.

Khí thu lọt vào như nhắc nhở tình quê đậm đà vô hạn,

Chén rượu chuyện trò trên chiếu biệt ly không biết mỏi.

Biết vị đậm nồng nên giữ lòng yên định,

Chỉ vượt mây thấp thì hãy vui với việc họ Đào.

Chia tay ta có bầu tiên để tặng,

Không nhiễm thói thị thành, mà cuộc thể cuộn cuộn.)⁽¹²⁾

Trong khi đó, văn chương của các nho sĩ khác hầu như không thể hiện hoặc không thể hiện một cách trực tiếp nỗi niềm tha hương vì bản thân họ đã sống tại chính quê hương của mình rồi - đây là một thực tế cần lưu ý. Còn một số nho sĩ cùng loại hình ẩn dật như Nguyễn Huy Vinh (chúng tôi muốn nói tới trường hợp Nguyễn Dữ và Nguyễn Hăng) thì sự thể hiện vấn đề chỉ là gián tiếp thông qua hình tượng, khi nhân vật trong tác phẩm của họ thay đổi môi trường sống, từ một địa điểm này sang một địa điểm khác. Ví như tâm trạng của Từ Thức trong “Từ Thức lấy vợ tiên” (*Truyện kì mạn lục* - Nguyễn Dữ): “*Từ khi bỏ nhà đi thám thoát đã được một năm, ao sen đã đổi thay màu biếc. Những đêm gió thổi, những sáng sương sa, bóng trăng sáng dòm qua cửa sổ, tiếng thủy triều nghe vắng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng, một mối buồn băng khuâng, quýn nhiều không sao ngủ được*”⁽¹³⁾. Đây chính là vấn đề *thể nghiệm lối sống ẩn dật* đối với Nguyễn Dữ nói riêng, nho sĩ ẩn dật nói chung mà chúng tôi đã có dịp bàn đến⁽¹⁴⁾. Điều này về cơ bản là hợp với cách suy luận của chúng tôi ở phía trên.

Như vậy, chọn một không gian môi trường sống phù hợp với thể tạng, con người, với lối sống rồi, nho sĩ ẩn dật mới bắt đầu hoặc tiếp tục sáng tác văn chương để thể hiện sự gắn bó sâu sắc của mình với không gian môi trường sống đó, ca ngợi môi trường sống, ca ngợi thú nhàn tản, giữ cái tôi trong sáng, chẳng bận chút bụi trần. *Không gian môi trường sống này cũng chính là thế đứng và điểm nhìn của nhà nho ẩn dật đối với thế cuộc, với cuộc đời, với cuộc sống của nhân dân*. Cái tôi của nhà nho trong môi trường sống đó là một cái tôi hoà nhập tối đa vào thiên nhiên, là một cái tôi tự cảm nội tâm thăm thẳm với vợ, là một cái tôi trong quan hệ gián tiếp của một người chiêm nghiệm về cuộc sống sinh hoạt xã hội... Đây là nội dung mà chúng tôi sẽ tiếp tục quay trở lại trong những lần sau.

Chú thích:

(1) Lê Văn Tấn (2008), “Nhà nho ẩn dật Việt Nam thời trung đại: bắt đầu từ một con đường lựa chọn”, *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ* (14) – Trường Đại học Hà Nội, tr. 63 - 67.

(2) Xin xem Hàn Triệu Kỳ (2001). *Ẩn sĩ Trung Hoa* (Cao Tự Thanh dịch), Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.

(3) Về nội dung này, xin xem thêm:

- Lưu Đức Trung (1998). *Văn hoá Ấn Độ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Lưu Đức Trung (2003). *Văn học Ấn Độ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Nhiều tác giả (2003). *Văn học phương Tây*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

(4) Xin xem thêm:

- Trần Đình Hượu (1998). *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Trần Ngọc Vương (1998). *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Trần Ngọc Vương (1999). *Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

- (5) Trần Nho Thìn (1994). “Mối quan hệ giữa cái tôi nhà nho và thực tại trong văn chương thời cổ”, *Tạp chí Văn học* (2), tr. 32.
- (6) Sách đã dẫn, tr. 33.
- (7) Trần Nho Thìn (2003). “Bi kịch tinh thần của nhà nho với tính cách là một nhân vật văn hoá (Khảo sát qua trường hợp Nguyễn Trãi)”, *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hoá*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 93.
- (8) Xem thêm Trần Thị Băng Thanh (2003). “Côn Sơn - miền ẩn cư trong thơ Nguyễn Trãi”, *Tạp chí Hán Nôm* (2).
- (9) Xin xem thêm Lê Văn Tấn:
- (2006), “*Truyện kỳ mạn lục* và sự thể hiện tư tưởng ẩn dật của Nguyễn Dữ”, *Tạp chí Khoa học* (2) - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tr. 27 - 35.
 - (2007), “Thể nghiệm lối sống ẩn dật của Nguyễn Dữ qua truyện *Từ Thức lấy vợ tiên*”, *Tạp chí Khoa học* (5) - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tr. 29 - 33.
- (10) Theo khảo sát tác phẩm *Ức Trai thi tập* (gồm 105 bài thơ chữ Hán) của chúng tôi trong *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, tập 1 do Mai Quốc Liên chủ biên, Nxb Văn học - Trung tâm Nghiên cứu Quốc học xuất bản, in lần thứ hai có sửa chữa, Hà Nội, 2001 thì tất cả có 9 bài thơ Nguyễn Trãi trực tiếp nói về Côn Sơn. Đó là các bài: *Mộng sơn trung*, *Ngẫu thành*, *Đề sơn diều hồ nhân đồ*, *Loạn hậu cảm tác*, *Loạn hậu đáo Côn Sơn cảm tác*, *Quy Côn Sơn chu trung tác*, *Khất nhân họa Côn Sơn đồ*, *Tổng tăng Đạo Khiêm quy sơn* và *Côn Sơn ca*. Ngoài ra, Nguyễn Trãi có tới 5 bài nhắc đến *cổ sơn* (các bài: *Đề trình xử sĩ Vân Oa đồ*, *Mạn hứng*, kỳ nhất, *Hạ nhật ngẫu thành*, *Thù hữu nhân kiến ký*, *Oán thán*), 4 bài nhắc đến *gia sơn* (các bài: *Loạn hậu đáo Côn Sơn cảm tác*, *Họa hữu nhân yên hà ngụ hứng*, kỳ nhất và kỳ nhị, *Đề Hà hiệu Ức “Bạch vân tư thân”*), 1 bài nhắc đến *cổ gia* (*Họa Tân Trai vận*), 1 bài nhắc đến *tư gia* (*Thanh minh*), 4 bài nhắc đến *cổ viên* (*Đề sơn diều nhân đồ*, *Ký hữu*, *Thu nhật ngẫu thành* và *Mạn hứng*, kỳ ngũ). Trong *Quốc âm thi tập* (gồm 254 bài thơ chữ Nôm) chỉ có duy nhất 1 bài nhắc tới địa danh Côn Sơn là *Quy Côn Sơn trùng cửu ngẫu tác*.
- Trong khi đó, cả hai tập thơ trên, chỉ có một lần Nguyễn Trãi nhắc đến địa danh Nhị Khê là bài *Tặng hữu nhân (Ức Trai thi tập)* và một vài lần ông nhắc tới từ *làng* (có thể là Nhị Khê?), ví dụ bài *Trần tình*, số 6 (*Quốc âm thi tập*).
- Nêu ra như vậy để chúng tôi tạm thời đi tới kết luận: có lẽ Nhị Khê không có vai trò quan trọng lắm trong trái tim, trong nỗi niềm khắc khoải khôn khuây của Nguyễn Trãi (ít nhất là trong so sánh với vai trò của Côn Sơn).
- (11) Trong *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, tập 1, sđd, tr. 94.
- (12) Dẫn theo Lại Văn Hùng (2003). *Dòng văn Nguyễn Huy ở Trường Lưu*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 80 - 81.
- (13) Cù Hựu - Nguyễn Dữ (1999). *Tiên đăng tân thoại - Truyện kỳ mạn lục* (Phạm Tú Châu, Trúc Khê Ngô Văn Triện và Trần Thị Băng Thanh biên dịch, giới thiệu và chỉnh lý), Nxb Văn học, Hà Nội, tr. 314.
- (14) Xin xem thêm bài viết của chúng tôi, đã dẫn ở (9).